TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NAM TỪ LIÊM** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **04**/2018/KDTM-ST
Ngày: 26/04/2018
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Hương
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Quốc Sơn
2. Bà Trần Thị Oanh

Thư ký phiên tòa: Bà Chu Bích Thủy – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm *tham gia phiên tòa*: Bà Lê Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 04 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Nam Từ Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 48/2017/KDTM-ST ngày 19/10/2017 về việc ‘’Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa’’ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2018/QĐXX-ST ngày 22 tháng 3 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2018/QĐST-HPT ngày 06/4/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty cổ phần K Việt Nam.

Địa chỉ: B10, Lô E 9, đường Phạm Hùng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Kim Duck Hyun – Chức vụ Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Công ty Luật TNHH SMIC

Địa chỉ: Tầng 3 Khu Văn phòng, Tòa nhà FLC Lanmark Tower, đường Lê Đức Thọ, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Luật TNHH SMIC: Bà Vũ Đặng Hải Yến – Chức vụ: Giám đốc

(Theo Giấy ủy quyền ngày 26/9/2017 giữa CTCP K Việt Nam và Công ty TNHH S)

Người được ủy quyền lại: Bà Vũ Thị Thu Hường, Ông Nguyễn Đặng Nhật Minh, Ông Phan Công Tiến. (Theo Giấy ủy quyền ngày 27/9/2017).

(Có mặt).

- Bị đơn: Công ty TNHH S

Địa chỉ: Tầng 26 Tòa nhà Handico, Khu đô thị mới Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Choi Soon Rak – Chức vụ: Giám đốc.

(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 27 tháng 09 năm 2017, các bản tự khai, Biên bản hòa giải và lời khai tại phiên tòa của Công ty cổ phần K Việt Nam trình bày:

Công ty Cổ phần K Việt Nam và Công ty TNHH S có ký kết Hợp đồng kinh tế số KV/HD/16/2209 vào ngày 22/09/2016 với nội dung:

Sau khi bàn bạc, hai bên đồng ý ký kết hợp đồng kinh tế cho việc mua bán mặt hàng thép. Thép sản xuất tại các nhà máy của Việt Nam theo tiêu chuẩn bên mua yêu cầu. Hàng còn mới 100%, nguyên thanh, nguyên kiện chưa qua sử dụng. Khối lượng, giá trị thanh toán, quyết toán sẽ dựa trên số lượng hàng hóa theo như biên bản giao hàng được hai bên ký xác nhận Khối lượng, giá trị thanh toán sẽ dựa trên số lượng hàng hóa thực giao giữa hai bên; S có trách nhiệm thanh toán cho K 100% giá trị hàng hóa giao trong vòng 30 ngày kể từ ngày giao hàng; Phạt vi phạm Hợp đồng đối với hành vi chậm thanh toán: 0,3% giá trị chưa thanh toán trên 01 ngày và tối đa 10% giá trị Hợp đồng; Tranh chấp sẽ giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền.

Hợp đồng mua bán hàng hóa được ký kết bởi bên bán là K Việt Nam và bên mua là S. Đối tượng của hợp đồng là thép với các thông số, chỉ tiêu kỹ thuật, giá cả và chủng loại cụ thể theo nội dung của hợp đồng. Như vậy, đối tượng của hợp đồng là hàng hóa được phép lưu thông, hoàn toàn phù hợp với quy định tại điều 3 Luật thương mại 2005 về đối tượng của hợp đồng mua bán hàng hóa là "Hàng hóa bao gồm tất cả các loại động sản, kể cả động sản hình thành trong tương lai; những vậy gắn liền với đất đai".

Hợp đồng được xây dựng trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, nội dung của Hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, về hình thức, Hợp đồng được lập bằng văn bản, được đại diện có thẩm quyền của K Việt Nam và S cùng tiến hành ký kết và đóng dấu đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, K đã nhiều lần thực hiện việc bàn giao hàng hóa, xuất hóa đơn VAT, kê khai thuế…, S cũng đã nhận hàng, nhận hóa đơn, xác nhận công nợ và thanh toán một phần công nợ cho chúng tôi. Hai bên đều thừa nhận và thực hiện theo các quy định tại Hợp đồng.

Vì vậy, Hợp đồng ký kết giữa K Việt Nam và Công ty TNHH S có giá trị pháp lý, buộc các bên phải thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

Theo quy định của Hợp đồng về thời hạn thanh toán "Công ty TNHH S có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cổ phần K 100% giá trị hàng hóa giao trong vòng 30 ngày kể từ ngày giao hàng." Đối chiếu với quy định tại điều 55, Luật thương mại 2005 "Trừ trường hợp có thoả thuận khác, thời hạn thanh toán được quy định như sau: Bên mua phải thanh toán cho bên bán vào thời điểm bên bán giao hàng hoặc giao chứng từ liên quan đến hàng hoá [...]", có thể thấy thỏa thuận giữa S và K về nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng rất rõ ràng đó là S có nghĩa vụ thanh toán cho K 100% giá trị hành hóa trong vòng 30 ngày kể từ ngày giao hàng và thỏa thuận trên hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật, có giá trị ràng buộc S phải thực hiện.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, K luôn tuân thủ các quy định đã giao kết, cung cấp hàng hóa sắt thép đủ khối lượng và bảo đảm chất lượng theo đúng yêu cầu của S. Tổng giá trị hàng hóa thực giao giữa hai bên đã được xác định đến nay là **5.975.356.112** VND.

Tuy nhiên, về phần mình, S lại liên tục vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo các cam kết trong Hợp đồng. Từ ngày 27/9/2016 đến nay, mặc dù chúng tôi liên tục nhắc nhở nhưng S vẫn cố tình vi phạm nghĩa vụ và mới chỉ thanh toán 03 lần vào các ngày 28/11/2016, 23/01/2017 và 24/02/2017 với tổng số tiền đã thanh toán là 3.915.193.310 VND.

Lần 1 vào ngày 28/11/2016 với số tiền là 2.215.193.310 VND
Lần 2 vào ngày 23/01/2017 với số tiền là 700.000.000 VND
Lần 3 vào ngày 24/02/2017 với số tiền là 1.000.000.000 VND
Chi tiết ở bảng sau:

Ngày phát sinh nợ	**Số Hóa đơn VAT**	**Ngày thanh toán**	**Nợ phát sinh (VND)**	**Số tiền trả (VND)**
26/9/2016	0077		90.168.595	
27/9/2016	0078		938.205.510	
6/10/2016	0082		1.276.987.800	
14/10/2016	0086		1.363.327.460	
		28/11/2016		2.215.193.310
4/11/2016	0111		941.331.490	
29/11/2016	0134		619.262.930	
		23/1/2017		700.000.000
31/12/2016	0166		201.095.840	
12/1/2017	0178		81.034.800	
		24/2/2017		1.000.000.000
10/2/2017	0191		442.857.690	
11/3/2017	0212		21.083.997	
Tổng			**5.975.356.112**	**3.915.193.310**

Như vậy, tính đến thời điểm hiện tại, số tiền nợ gốc mà S còn nợ K là: 2.060.162.802 đồng (Hai tỷ, không trăm sáu mươi triệu, một trăm sáu mươi hai nghìn, tám trăm linh hai đồng).

Việc mua bán hàng hóa của K và S được thực hiện đúng quy định của Hợp đồng và pháp luật. Trong suốt thời gian mua bán, S không có bất kỳ khiếu nại, yêu cầu nào liên quan đến quy cách, chất lượng hàng hóa. S cũng đã sử dụng các hàng hóa này vào mục đích kinh doanh của họ. Bởi vậy, có thể khẳng định rằng K đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo Hợp đồng, không còn bất kỳ tranh chấp nào với S liên quan đến việc mua bán hàng hóa này, ngoại trừ các trách nhiệm liên quan đến hành vi chậm thanh toán của S. S cũng đã thực hiện thanh toán một phần công nợ cho K và hai bên đã nhiều lần đối chiếu số liệu công nợ còn lại (đối chiếu về mặt số liệu hóa

đơn). Theo đó S cũng ghi nhận giá trị nợ đối với K mà không có bất kỳ khiếu nại nào khác.

Thời hạn cuối cùng để S thanh toán toàn bộ giá trị theo hợp đồng là trong vòng 30 ngày kể từ ngày K giao hàng. Trên thực tế, tất cả các lần giao hàng thì S đều chậm thanh toán, vượt quá thời hạn như thỏa thuận. Vì vậy, cho đến thời điểm này, K hoàn toàn có quyền yêu cầu S phải thanh toán ngay khoản nợ gốc còn lại là **2.060.162.802** đồng.

Theo quy định tại Điều 5 của Hợp đồng kinh tế số KV/HD/16/2209 ngày 22/09/2016 ký kết giữa K và S: "S có nghĩa vụ thanh toán cho K trong vòng 30 ngày kể từ ngày giao hàng". Việc đến nay S vẫn còn nợ lại 2.060.162.802 VND là việc vi phạm các quy định của hợp đồng và pháp luật (Luật Thương mại 2005) về nghĩa vụ thanh toán. Do vậy sẽ phát sinh trách nhiệm của S đối với hành vi chậm thanh toán tiền hàng này.

Cụ thể căn cứ theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại 2005: "Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác."

S đã vi phạm nghĩa hợp đồng về việc chậm thanh toán tiền hàng như đã thỏa thuận nên K có quyền yêu cầu S phải trả tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn. Các nội dung để tính khoản tiền này như sau:

-Số tiền tĩnh lãi: Tương ứng với số tiền chậm trả của mỗi đợt thanh toán;

-Thời gian tính lãi: Tương ứng với thời gian chậm trả, tính từ ngày liên sau ngày đến hạn thanh toán cho đến ngày thanh toán tiền. Đối với các khoản nợ hiện nay chưa thanh toán thì thời điểm thanh toán tiền được tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (26/4/2018);

-Mức lãi suất tính lãi: Theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại 2005 thì cần áp dụng mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán để xác định khoản tiền lãi.

Trên thực tế, tại các thời điểm mà S thanh toán tiền cho K, mức lãi suất cho vay của các ngân hàng ở mức từ 6.8 đến 11%/năm. Và mức lãi suất quá hạn bằng 150%, tương ứng với 10.2 đến 16.5%/năm (thông tin thu thập được từ các bản Thông báo cáo chí của Ngân hàng nhà nước Việt Nam về hoạt động của các ngân hàng tại Việt Nam). Vì vậy, trên tinh thần thiện chí, K chỉ yêu cầu tính lãi theo mức là 09%/năm, phù hợp với mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước công bố theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010.

Như vậy, khoản tiền bồi thường (tiền lãi do chậm thanh toán) xác định theo quy định tại điều 306 Luật Thương mại 2005 mà K yêu cầu S phải thanh toán tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 26/4/2018 **là 288.619.874 VND**.

Ngoài ra K do thời điểm S thanh toán hết nợ gốc vẫn chưa được xác định nên K yêu cầu S tiếp tục trả khoản lãi do chậm thanh toán đến khi thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc 2.060.162.802 đồng.

Theo quy định tại Điều 300 Luật Thương mại 2005 về thỏa thuận phạt vi phạm: "Phạt vi phạm là việc bên bị vi phạm yêu cầu bên vi phạm trả một khoản tiền phạt do vi phạm hợp đồng nếu trong hợp đồng có thoả thuận, trừ các trường hợp miễn trách nhiệm quy định tại Điều 294 của Luật này." thì đây là một chế tài khi có hành vi vi phạm của bên có nghĩa vụ trong hợp đồng. Chế tài này tồn tại độc lập với các chế tài khác và được đảm bảo thực hiện nếu Hợp đồng có quy định. Bởi vậy ngoài khoản tiền lãi do chậm thanh toán được xác định theo Điều 306 thì S phải chịu thêm trách nhiệm chịu phạt vi phạm Hợp đồng nếu Hợp đồng có thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 4 của Hợp đồng đã quy định về nghĩa vụ chịu phạt vi phạm khi S vi phạm nghĩa vụ thanh toán, cụ thể như sau: "Bên A (Công ty TNHH S) phải thanh toán tiền phạt tương đương với 0,3% giá trị chưa thanh toán/một ngày và tối đa 10% (tổng giá trị Hợp đồng) cho Bên B (Công ty Cổ phần K Việt Nam)".

Như đã trình bày tại đơn khởi kiện, do tất cả các lần giao hành thì S đều chậm thanh toán nên đều làm phát sinh trách nhiệm chịu phạt hợp đồng đối với mỗi lần giao hàng. Số tiền phạt vi phạm hợp đồng theo thỏa thuận giữa K và S đã được K xác định cụ thể tại Đơn khởi kiện.

Tuy nhiên, để phù hợp với quy định của pháp luật về giới hạn mức phạt vi phạm tại Điều 301 Luật Thương mại 2005: "Mức phạt đối với vi phạm nghĩa vụ hợp đồng hoặc tổng mức phạt đối với nhiều vi phạm do các bên thoả thuận trong hợp đồng, nhưng không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm, trừ trường hợp quy định tại Điều 266 của Luật này". Mặc dù hai bên có thỏa thuận về việc mức phạt tối đa là 10% giá trị hợp đồng nhưng nay K chỉ yêu cầu S phải chịu phạt vi phạm với mức tối đa là 8% giá trị phần nghĩa vụ bị vi phạm.

Số tiền phạt = Giá trị Hợp đồng bị vi phạm x 8%= 2.060.162.802 đồng x 0.08 = **164.813.024 đồng**.

Tại phiên tòa hôm nay, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho K, chúng tôi đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, cụ thể như sau:

-Buộc S phải thanh toán ngay toàn bộ số tiền nợ gốc là **2.060.162.802** đồng;

-Buộc S phải trả số tiền phạt vi phạm Hợp đồng là **164.813.024** đồng;

-Buộc S phải trả khoản lãi do chậm thanh toán tạm tính đến ngày 26/4/2018 là 288.619.874 VND và tiếp tục trả khoản tiền lãi do chậm thanh toán đến khi thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán đối với toàn bộ số tiền nợ gốc **2.060.162.802** đồng.

Tổng số tiền K yêu cầu S thanh toán tạm tính đến ngày 26/4/2018 là: **2.513.595.700 đồng**.

Tại phiên tòa:

Công ty cổ phần K Việt Nam giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Công ty cổ phần K Việt Nam đề nghị Tòa án buộc Công ty TNHH S thanh toán tổng số tiền tạm tính đến ngày 26/4/2018 là: **2.513.595.700 đồng**.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm phát biểu ý kiến: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại điều 30, 35, 68, 97 BLTTDS.

Tuy nhiên trong hồ sơ vụ án thẩm phán chưa tiến hành xác minh tại cơ quan xuất nhập cảnh xác định ông Choi Soon Park, đại diện theo pháp luật của công ty S, còn ở Việt Nam hay đã xuất nhập cảnh về Hàn Quốc cần ủy thác tư pháp và xác định thẩm quyền giải quyết vụ án.

+ Chưa xác minh niêm yết tại nơi cư trú của ông Park tại phòng 2402, tháp E the Manor, KĐT Mỹ Đình, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

1.Yêu cầu S phải thanh toán ngay cho K khoản nợ gốc còn lại là 2.060.162.802 đồng (Hai tỷ, không trăm sáu mươi triệu, một trăm sáu mươi hai nghìn, tám trăm linh hai đồng Việt Nam) theo Hợp đồng kinh tế số KV/HD/16/2209 ký ngày 22/9/2016 giữa K và S.

2.Yêu cầu S phải trả cho K số tiền phạt vi phạm Hợp đồng, cụ thể là 478.028.489 đồng (Bốn trăm bảy mươi tám triệu, không trăm hai mươi tám nghìn, bốn trăm tám mươi chín đồng Việt Nam). Cách tính số tiền phạt vi phạm được thể hiện tại Bảng tính phạt vi phạm Hợp đồng gửi kèm Đơn khởi kiện này.

3.Yêu cầu S phải trả cho K khoản lãi do chậm thanh toán tạm tính đến ngày 30/9/2017 là 182.958.922 đồng (Một trăm tám mươi hai triệu chín trăm năm mươi tám nghìn, chín trăm hai mươi hai đồng Việt Nam) và tiếp tục trả khoản lãi do chậm thanh toán đến khi thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc 2.060.162.802 đồng. Cách tính số tiền lãi do chậm thanh toán được thể hiện tại Bảng tính lãi chậm thanh toán gửi kèm Đơn khởi kiện này.

Tổng số tiền K yêu cầu S thanh toán tạm tính đến ngày 30/9/2017 là: 2.721.150.213 đồng (Hai tỷ, bảy trăm hai mươi mốt triệu, một trăm năm mươi nghìn, hai trăm mười ba đồng Việt Nam).

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tính đến ngày xét xử tiền nợ gốc là 2.060.162.802 đồng, tiền lãi chậm trả là 288.619.874 đồng, tiền phạt vi phạm hợp đồng là 164.813.024 đồng. Tổng số tiền nợ gốc, lãi chậm trả, phạt vi phạm hợp đồng là: 2.513.595.700 đồng *(Hai tỷ năm trăm mười ba triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn bảy trăm đồng).*

Bị đơn Công ty S không có văn bản trình bày ý kiến. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ, niêm yết công khai tại địa chỉ công ty đăng ký kinh doanh, niêm yết tại tòa án nhưng đại diện Công ty vẫn không có ý kiến về nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Xét thấy yêu cầu khởi kiện của Công ty K là đúng quy định và cần được chấp nhận. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 50, 301, 306 Luật kinh doanh thương mại chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán nợ gốc, tiền phạt hợp đồng tính trên cơ sở 8% giá trị nghĩa vụ hợp đồng vi phạm, nợ lãi tính đến ngày xét xử.

Về phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử có ý kiến như sau:

Ngày 30-11-2017 Thẩm phán đã xác minh tại Công an phường Mỹ Đình 1, Nam Từ Liêm, HN được cung cấp ông Choi Soon Rar - Giám đốc đại diện theo pháp luật, trước đây ông Rar có đăng ký tạm trú và sống tại Phòng 2402, tháp E The Manor, khu đô thị Mỹ Đình 1, địa chỉ này ông Choi soon Rar thuê, khoảng 2 năm nay ông Choi Soon Rar đã chuyển đi nơi khác ở, không báo cho

chính quyền địa phương biết, nên không biết hiện nay ông Rar ở đâu. Địa chỉ này hiện chủ nhà đã cho người Việt Nam thuê không phải người nước ngoài. Để đảm bảo quyền lợi cho bị đơn Tòa án trực tiếp đến nơi đăng ký kinh doanh của bị đơn để xác minh và tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng Công ty không còn hoạt động tại địa chỉ này, vì vậy không thể tống đạt được. Trả lời Công văn của Tòa án Phòng đăng ký kinh doanh số 3 cung cấp: *Công ty TNHH S chưa đăng ký thủ tục giải thể hay sáp nhập, chia tách doanh nghiệp*. Tòa án đã tiến hành niêm yết các thủ tục tố tụng tại nơi đăng ký kinh doanh, tại Trụ sở UBND phường Mễ Trì, Nam Từ Liêm, HN của bị đơn đặt trụ sở tại tại tầng 26, tòa nhà Hadinco, khu đô thị mới Mễ Trì Hạ, Nam Từ Liêm, HN. Hội đồng căn cứ các quy định của pháp luật, căn cứ nội dung các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ đủ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án phát sinh từ hợp đồng mua bán hàng hóa, giữa Công ty cổ phần K Việt Nam và Công ty TNHH S có trụ sở theo Giấy phép đăng ký kinh doanh tại Tầng 26 Tòa nhà Handico, Khu đô thị mới Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội theo quy định tại khoản 1 Điều 30, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm.

Tòa án đã tống đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải lần 1; Thông báo về phiên họp kiểm tra giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải lần 2; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Giấy triệu tập; Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn.

Tòa án đã gửi Công văn đến Sở kế hoạch đầu tư - Phòng đăng ký kinh doanh số 3 để xin Giấy phép đăng ký kinh doanh và Điều lệ hoạt động của Công ty TNHH S, Công văn đến Tổng cục thuế - Cục thuế TP Hà Nội. Đều được trả lời Công ty TNHH S chưa đăng ký thủ tục giải thể hay sáp nhập, chia tách doanh nghiệp. Công ty TNHH S không đăng ký tạm ngừng hoặc ngừng hoạt động kinh doanh gửi Chi cục thuế TP Hà Nội.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương, cụ thể xác minh tại Công an phường Mễ Trì về địa chỉ trụ sở hoạt động của Công ty TNHH S, xác minh tại TDP số 4, phường Mễ Trì, xác minh tại Ban quản lý tòa nhà Hadinco được cung cấp Công ty S thuê trụ sở tại tầng 26, tòa nhà Hadinco, khu đô thị mới Mễ Trì Hạ, Nam Từ Liêm, hiện nay Công ty không còn hoạt động tại địa chỉ trên, không báo gì cho chính quyền địa phương biết. Xác minh tại Công an phường Mỹ Đình 1, Nam Từ Liêm được biết ông Choi Soon Rar- Giám đốc đại diện theo pháp luật trước đây có đăng ký tạm trú và sống tại Phòng 2402, tháp E The Manor, khu đô thị Mỹ Đình 1, địa chỉ này ông Choi soon Rar thuê,

khoảng 2 năm nay ông Choi soon Rar đã chuyển đi nơi khác ở, không báo cho chính quyền địa phương biết. Địa chỉ này hiện chủ nhà đã cho người khác thuê.

Bởi các lẽ trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05-5-2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định bị đơn cố tình giấu địa chỉ tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

- Về số tiền nợ gốc:

Theo các tài liệu nguyên đơn cung cấp được thể hiện: Công ty Cổ phần K Việt Nam và Công ty TNHH S có ký kết Hợp đồng kinh tế số KV/HD/16/2209 vào ngày 22/09/2016 về việc mua bán hàng hóa. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty cổ phần K Việt Nam đã cũng đã giao hàng cho Công ty TNHH S (thể hiện qua các Biên bản bàn giao hàng và xuất Hóa đơn giá trị gia tăng đều có dấu của Công ty cổ phần K Việt Nam). Theo quy định tại khoản 1 Điều 87 Bộ luật dân sự thì: *"Pháp nhân phải chịu trách nhiệm dân sự về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự do người đại diện xác lập, thực hiện nhân danh pháp nhân. Pháp nhân chịu trách nhiệm dân sự về nghĩa vụ do sáng lập viên hoặc đại diện của sáng lập viên xác lập, thực hiện để thành lập, đăng ký pháp nhân, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác"*. Đồng thời căn cứ Điều 351 Bộ luật dân sự quy định về Trách nhiệm dân sự do vi phạm nghĩa vụ: *"1. Bên có nghĩa vụ mà vi phạm nghĩa vụ thì phải chịu trách nhiệm dân sự đối với bên có quyền. Vi phạm nghĩa vụ là việc bên có nghĩa vụ không thực hiện nghĩa vụ đúng thời hạn, thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng nội dung của nghĩa vụ. 2. Trường hợp bên có nghĩa vụ không thực hiện đúng nghĩa vụ do sự kiện bất khả kháng thì không phải chịu trách nhiệm dân sự, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác. 3. Bên có nghĩa vụ không phải chịu trách nhiệm dân sự nếu chứng minh được nghĩa vụ không thực hiện được là hoàn toàn do lỗi của bên có quyền"*. Do đó, trong trường hợp này, Công ty TNHH S phải có trách nhiệm thanh toán các khoản nợ cho Công ty cổ phần K Việt Nam.

Ngày 31/12/2016 Công ty cổ phần K Việt Nam và Công ty TNHH S đã lập Biên bản xác nhận công nợ đối với Hợp đồng kinh tế số KV/HD/16/2209 vào ngày 22/09/2016 về việc mua bán hàng hóa là đúng.

Căn cứ Điều 50 Luật thương mại năm 2005 thì việc Công ty TNHH S không thanh toán được tiền hàng cho Công ty cổ phần K Việt Nam theo Hợp đồng đã ký kết nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền gốc là 2.060.162.802 đồng là có căn cứ, cần được chấp nhận.

- Về tiền lãi chậm trả:

Căn cứ Điều 357 Bộ luật dân sự quy định về Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: *"1.Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. 2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468*

của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này."

Theo quy định tại Điều 5 của Hợp đồng kinh tế số KV/HD/16/2209 ngày 22/09/2016 ký kết giữa K và S*: "S có nghĩa vụ thanh toán cho K trong vòng 30 ngày kể từ ngày giao hàng"*. Đến nay S vẫn còn nợ lại 2.060.162.802 VND là việc vi phạm các quy định của hợp đồng và pháp luật (Luật Thương mại 2005) về nghĩa vụ thanh toán. Do vậy sẽ phát sinh trách nhiệm của S đối với hành vi chậm thanh toán tiền hàng này.

Căn cứ theo Điều 306 Luật Thương mại 2005: *"Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác."*

Xét thấy nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi chậm trả với lãi suất theo mức là 09%/năm phù hợp với mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước là có căn cứ, nguyên đơn có quyền yêu cầu tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất quá hạn của ngân hàng nhà nước quy định tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả. Theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước quy định về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9%/năm.

+ Số tiền lãi chậm trả từ ngày 27/10/2016 đến 26/4/2018, cụ thể chi tiết ở bảng sau:

Ngày giao hàng	Ngày phát sinh nợ/ngày thanh toán	Ngày tính lãi	Nợ phát sinh (VND)	Số tiền trả (VND)	Tính đến ngày	Số tiền chịu lãi (VND)	Số ngày tính lãi	Lãi suất tạm tính (%/năm)	Số tiền lãi (VND)
26/9/2016	26/10/2016	27/10/2016	90.168.595		28/10/2016	90.168.595	1	0.09	22.233
27/9/2016	27/10/2016	28/10/2016	938.205.510		6/11/2016	1.028.374.105	9	0.09	2.282.145
6/10/2016	5/11/2016	6/11/2016	1.276.987.800		14/11/2016	2.305.361.905	8	0.09	4.547.563
14/10/2016	13/11/2016	14/11/2016	1.363.327.460		28/11/2016	3.668.689.365	14	0.09	12.664.517
	28/11/2016	28/11/2016		2.215.193.310	5/12/2016	1.453.496.055	7	0.09	2.508.774
4/11/2016	4/12/2016	5/12/2016	941.331.490		30/12/2016	2.394.827.545	25	0.09	14.762.636
29/11/2016	29/12/2016	30/12/2016	619.262.930		23/1/2017	3.014.090.475	24	0.09	17.836.809
	23/1/2017	23/1/2017		700.000.000	31/1/2017	2.314.090.475	8	0.09	4.564.781
31/12/2016	30/1/2017	31/1/2017	201.095.840		12/2/2017	2.515.186.315	12	0.09	7.442.195
12/1/2017	11/2/2017	12/2/2017	81.034.800		24/2/2017	2.596.221.115	12	0.09	7.681.969
	24/2/2017	24/2/2017		1.000.000.000	13/3/2017	1.596.221.115	17	0.09	6.691.009
10/2/2017	12/3/2017	13/3/2017	442.857.690		11/4/2017	2.039.078.805	29	0.09	14.580.810
11/3/2017	10/4/2017	11/4/2017	21.083.997		26/4/2018	2.060.162.802	380	0.09	193.034.432
Tổng			**5.975.356.112**	**3.915.193.310**		**2.060.162.802**			**288.619.874**

- Về số tiền phạt vi phạm hợp đồng:

Theo Điều 418 Bộ luật dân sự quy định về Thỏa thuận phạt vi phạm:

"1. Phạt vi phạm là sự thỏa thuận giữa các bên trong hợp đồng, theo đó bên vi phạm nghĩa vụ phải nộp một khoản tiền cho bên bị vi phạm.

2. Mức phạt vi phạm do các bên thỏa thuận, trừ trường hợp luật liên quan có quy định khác.

3. Các bên có thể thỏa thuận về việc bên vi phạm nghĩa vụ chỉ phải chịu phạt vi phạm mà không phải bồi thường thiệt hại hoặc vừa phải chịu phạt vi phạm và vừa phải bồi thường thiệt hại.rường hợp các bên có thỏa thuận về phạt vi phạm nhưng không thỏa thuận về việc vừa phải chịu phạt vi phạm và vừa phải bồi thường thiệt hại thì bên vi phạm nghĩa vụ chỉ phải chịu phạt vi phạm."

Điều 4 của Hợp đồng đã quy định về nghĩa vụ chịu phạt vi phạm khi S vi phạm nghĩa vụ thanh toán, cụ thể như sau: *"Bên A (Công ty TNHH S) phải thanh toán tiền phạt tương đương với 0,3% giá trị chưa thanh toán/một ngày và tối đa 10% (tổng giá trị Hợp đồng) cho Bên B (Công ty Cổ phần K Việt Nam)".*

Theo quy định tại Điều 300 Luật Thương mại 2005 về thỏa thuận phạt vi phạm*: "Phạt vi phạm là việc bên bị vi phạm yêu cầu bên vi phạm trả một khoản tiền phạt do vi phạm hợp đồng nếu trong hợp đồng có thoả thuận, trừ các trường hợp miễn trách nhiệm quy định tại Điều 294 của Luật này."*

Theo Điều 301 Luật Thương mại 2005*: "Mức phạt đối với vi phạm nghĩa vụ hợp đồng hoặc tổng mức phạt đối với nhiều vi phạm do các bên thoả thuận trong hợp đồng, nhưng không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm, trừ trường hợp quy định tại Điều 266 của Luật này".*

Xét nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền phạt vi phạm là có căn cứ. Hai bên có thỏa thuận về việc mức phạt tối đa là 10% giá trị hợp đồng nhưng nay Công ty cổ phần K Việt Nam yêu cầu Công ty TNHH S phải chịu phạt vi phạm với mức tối đa là 8% giá trị phần nghĩa vụ bị vi phạm. Số tiền bị vi phạm là 2.060.162.802 đồng. Do đó tiền phạt vi phạm hợp đồng buộc Công ty TNHH S phải thanh toán cho Công ty cổ phần K Việt Nam là: 8% x 2.060.162.802 đồng = 164.813.024 đồng.

Như vậy, buộc Công ty TNHH S phải thanh toán cho Công ty cổ phần K Việt Nam số tiền nợ gốc là **2.060.162.802 đồng**, tiền lãi chậm trả là **288.619.874 đồng**, tiền phạt vi phạm hợp đồng là **164.813.024 đồng**. Tổng số tiền nợ gốc, lãi chậm trả, phạt vi phạm hợp đồng là: **2.513.595.700 đồng** *(Hai tỷ năm trăm mười ba triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn bảy trăm đồng).*

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Khoản 1 Điều 87, 351, 357, 418 Bộ luật dân sự; Điều 50, 300, 301, 306 Luật thương mại; Điều 147, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết

04/2017/NQ-HĐTP ngày 05-5-2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Toà án nhân dân tối cao – Viện kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ tư pháp – Bộ tài chính hướng dẫn việc xét xử và thi hành về tài sản; Quyết định 2868/QĐ-NHNN ngày 29-11-2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt nam.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần K Việt Nam đối với Công ty TNHH S.

2. Buộc Công ty TNHH S phải trả cho Công ty cổ phần K Việt Nam số tiền nợ gốc là **2.060.162.802 đồng**, tiền lãi chậm trả là **288.619.874 đồng**, tiền phạt vi phạm hợp đồng là **164.813.024 đồng**. Tổng số tiền gốc, tiền lãi chậm trả, tiền phạt vi phạm hợp đồng là: **2.513.595.700 đồng** *(Hai tỷ năm trăm mười ba triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn bảy trăm đồng).*

3. Về án phí: Công ty TNHH S phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 82.271.914 đồng.

Hoàn trả cho Công ty cổ phần K Việt Nam 43.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007308 ngày 19/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất của khoản tiền chưa thi hành án với mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *Nguyên đơn; Bị đơn;*
- *VKSND Q NamTừ Liêm,*
- *VKSND TP Hà Nội;*
- *TAND Thành phố HN;*
- *Chi cục Thi hành án Q.Nam Từ Liêm;*
- *Lưu HS, VP.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Mai Thị Hương

04/2017/NQ-HĐTP ngày 05-5-2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Toà án nhân dân tối cao – Viện kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ tư pháp – Bộ tài chính hướng dẫn việc xét xử và thi hành về tài sản; Quyết định 2868/QĐ-NHNN ngày 29-11-2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt nam.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần K Việt Nam đối với Công ty TNHH S.

2. Buộc Công ty TNHH S phải trả cho Công ty cổ phần K Việt Nam số tiền nợ gốc là **2.060.162.802 đồng**, tiền lãi chậm trả là **288.619.874 đồng**, tiền phạt vi phạm hợp đồng là **164.813.024 đồng**. Tổng số tiền gốc, tiền lãi chậm trả, tiền phạt vi phạm hợp đồng là: **2.513.595.700 đồng** *(Hai tỷ năm trăm mười ba triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn bảy trăm đồng).*

3. Về án phí: Công ty TNHH S phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 82.271.914 đồng.

Hoàn trả cho Công ty cổ phần K Việt Nam 43.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007308 ngày 19/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất của khoản tiền chưa thi hành án với mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

.